Trắc nghiệm từ vựng

1. Focus A. bắt buộc
B. tập trung

2. Quality
A. chất lượng
B. kinh doanh

3. Ngạc nhiên
A.compromise
B. surprised

4. Accept A. hài lòng
B. chấp nhận

5. Thuyết phục
A. convince
B. surprised

6. Customer A. khách hàng
B. chất lượng

7. Do đó
A. deposit
B. therefore

8. Negotiate
A. thương lượng
B. chất lượng

9. Customer satisfaction A. sự giúp đỡ khách hàng
B. sự hài lòng khách hàng

10. Hỗ trợ
A. product
B. support

11. Decide
A. quyết định
B. thuyết phục

12. Ký hợp đồng
A. quality
B. sign the contract

13. Giảm giá
A. lower price
B. sign the contract

14. Chiến lược
A. plant
B. strategy

15. Party
A. bên
B. thuyết phục

LIVEWORKSHEETS